

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 5 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng
xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Việt Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Hoàng Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Văn
Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/TCDS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D - Phó giám đốc; địa chỉ: Ngã
3 Q, Quốc lộ A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu phố C, phường B, thị
xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1995,
địa chỉ: B P, Phường B, TP Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn V1
và Nguyễn Thị T1 - Công ty L; địa chỉ: A H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, ông V1 có
mặt, bà T1 vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông **Trần Duy K.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn **Công ty cổ phần A** trình bày: Ngày 26/4/2021, **Công ty cổ phần A** (viết tắt là **Công ty A1**) và ông **Trần Duy K** đã ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 01/2021/HĐ-TCTG để thi công xây dựng công trình trọn gói đối với công trình nhà ở của gia đình ông **Trần Duy K** do ông **Trần Duy K** làm chủ đầu tư, với tổng giá trị của hợp đồng là 1.800.000.000 đồng, chưa bao gồm 10% thuế VAT. Thời hạn thi công là 06 tháng, phương thức thanh toán chia thành 09 đợt, tương ứng với các hạng mục mà **Công ty A1** đã hoàn thành thi công với chủ đầu tư. Thực hiện hợp đồng, công trình đã được **Công ty A1** thi công 100% các hạng mục, gia đình ông **K** cũng đã đưa công trình vào sử dụng. Tuy nhiên, đến nay ông **K** vẫn chưa thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán đã cam kết với **Công ty A1** theo hợp đồng. Cụ thể, ông **K** đã thanh toán cho **Công ty A1**, tổng số tiền là 1.458.000.000 đồng (Thanh toán trong 08 đợt), số tiền còn lại ông **K** chưa thanh toán cho **Công ty A1** theo giá trị hợp đồng đã ký kết là 342.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi **Công ty A1** trừ các khoản chi phí phạt do **Công ty A1** chậm thực hiện tiến độ theo hợp đồng và các chi phí phát sinh khác, thì số tiền còn lại ông **K** chưa thanh toán cho **Công ty A1** là 298.962.000 đồng. Mặc dù phía **Công ty A1** đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông **K** thực hiện nghĩa vụ, nhưng ông **K** vẫn không thanh toán số tiền còn lại cho **Công ty A1**. Vì vậy, **Công ty A1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông **Trần Duy K** phải thanh toán cho **Công ty A1** một lần toàn bộ số tiền 298.962.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền nợ nói trên.

Bị đơn ông **Trần Duy K** trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông cho rằng:

Thứ nhất, ngày 26/04/2021, ông bàn giao mặt bằng cho **Công ty Cổ phần A** thi công “trọn gói” công trình nhà ở riêng lẻ tại **khu phố C, thị xã B** do ông làm chủ đầu tư theo Hợp đồng thi công xây dựng trọn gói số 01/2021/HĐ-TCTG ngày 26/04/2021 được ký kết giữa ông và **Công ty A1** (viết tắt là "Hợp đồng"). Qua đó, **Công ty A1** có trách nhiệm thi công hoàn thiện công trình trong thời gian 06 tháng (Bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày ông chuyển tiền tạm ứng, tức ngày 03/5/2021 theo Điều 2 Hợp đồng. Ngày 09/01/2022, ông với tư cách là chủ đầu tư, đơn phương chấm dứt hợp đồng do **Công ty A1** vi phạm các cam kết về tiến độ thi

công và chất lượng thi công công trình theo hợp đồng.

Thứ hai, về việc Công ty A1 vi phạm việc chậm tiến độ thi công công trình theo hợp đồng: Ông đã nhiều lần nhắc nhở về tiến độ thi công (các ngày 05/11/2021; 12/12/2021), nhưng Công ty A1 vẫn không khắc phục được (không vì lý do bất khả kháng và các lý do tại Điều 2 của hợp đồng). Vào ngày 26/12/2021, ông yêu cầu chấm dứt Hợp đồng nếu Công ty A1 không thực hiện đúng cam kết và chính thức đơn phương chấm dứt Hợp đồng vào ngày 09/01/2022 (quá thời hạn 66 ngày kể từ ngày 04/11/2021, ngày bàn giao công trình hoàn thiện). Như vậy, đến ngày 09/01/2022, do Công ty A1 chưa bàn giao công trình hoàn thiện cho Chủ đầu tư theo cam kết trong hợp đồng, nên chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo Điều 10 và Điều 11 của Hợp đồng.

Thứ ba, về việc Công ty A1 tự ý thay đổi thiết kế khi chưa được sự chấp thuận của chủ đầu tư và thiếu sự đồng nhất trong thiết kế làm thay đổi kiến trúc công trình, chất lượng thi công không đảm bảo. Việc tự ý thay đổi thiết kế phần điện nước khiến phần nước sinh hoạt không đảm bảo, gia đình ông đã phải thuê thợ khác về để lắp lại đường nước, đường ống nổi, làm tổn thất thêm cho gia đình ông và thiếu thẩm mỹ công trình (không đúng theo kỹ thuật đã cam kết). Trong quá trình thi công, nhiều hạng mục trong công trình được thực hiện không đúng với thiết kế, sai nguyên vật liệu (Ví dụ: trần sân sau tầng 1, dầm ngang tầng 1 phía dưới nhà WC phòng ngủ master...), thực tế nhiều bộ phận trong công trình đã bắt đầu rỉ rét do chất lượng nguyên vật liệu xây kém. Chất lượng công trình không đảm bảo, tường xây không vuông góc với vách tường liền kề và nền nhà, hom tô lồi lõm thiếu thẩm mỹ, cửa nhôm kính không kín gió. Việc đập phá sàn, tường để sửa chữa ảnh hưởng không nhỏ đến độ bền bỉ của công trình và thiếu thẩm mỹ, gây khó khăn trong việc thi công phần nội thất công trình. Nhân lực không đảm bảo, để thợ phụ đứng ra hoàn thiện phần lát gạch phòng vệ sinh, tình trạng thiếu thợ, nhiều thợ nghỉ không thi công trong khi tiến độ công trình đang bị chậm trễ và chủ đầu tư hỏi thúc. Gây ảnh hưởng đến hàng xóm trong quá trình thi công, hàng xóm đã nhắc nhở nhiều lần do không khắc phục, khắc phục không triệt để các thiệt hại sau khi thi công. Qua đó, thấy rằng Công ty A1 thiếu năng lực thi công, thiếu trách nhiệm với công trình, yếu kém trong khâu quản lý và không hoàn thành đúng những gì đã cam kết trong hợp đồng.

Thứ tư, trong quá trình công trình được thi công, ông luôn tôn trọng các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng, thanh toán đúng thời hạn sau khi nhận được thông báo từ Công ty A1, cụ thể đã thanh toán 08 đợt với tổng số tiền

1.458.000.000 đồng; ngày 17/3/2021, thanh toán 24.650.000 đồng; ngày 03/5/2021, thanh toán 245.350.000 đồng; ngày 26/5/2021, thanh toán 180.000.000 đồng; ngày 16/6/2021, thanh toán 180.000.000 đồng; ngày 12/7/2021, thanh toán 180.000.000 đồng; ngày 19/8/2021, thanh toán 216.000.000 đồng; ngày 16/9/2021, thanh toán 216.000.000 đồng; ngày 23/10/2021, thanh toán 216.000.000 đồng (tất cả các lần thanh toán trên ông đều chuyển khoản cho Công ty A1 thông qua tài khoản của ông Nguyễn Ngọc B - Là nhân viên Công ty A1).

Bản thân ông đã nhiều lần tạo điều kiện để Công ty A1 nhanh chóng hoàn thiện công trình, nhiều lần bỏ qua các sai sót trong quá trình thi công nhằm xử lý mọi việc trong thương lượng, hòa hảo. Tuy nhiên, phía Công ty A1 thiếu tôn trọng Hợp đồng, thiếu thiện chí và đưa ra nhiều lí do thiếu thuyết phục để cố tình kéo dài thời gian thi công dù đang vi phạm các cam kết trong Hợp đồng. Vì vậy, căn cứ theo các Điều 10, 11 của hợp đồng đã ký kết, ông có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng vì Công ty A1 đã vi phạm những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, ông không có nghĩa vụ thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng, kể từ ngày chấm dứt. Theo đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A.

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến trình bày: Nhất trí như phần trình bày của bị đơn ông K tại Tòa án. Trong quá trình thi công Công ty A1 đã vi phạm Hợp đồng mà hai bên ký kết, như một số hạng mục sai thiết kế, tiến độ thi công chậm mà không có lý do chính đáng, thi công công trình chất lượng chưa đảm bảo. Vì vậy, bị đơn căn cứ các Điều 10, 11 của Hợp đồng để đơn phương chấm dứt Hợp đồng là đúng, nên không phải chịu trách nhiệm trả số tiền còn lại chưa thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc B trình bày: Ông là nhân viên thủ quỹ của Công ty A1. Ngày 26/4/2021 Công ty A1 và ông Trần Duy K đã ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 01/2021/HĐ-TCTG để thi công xây dựng công trình trọn gói đối với công trình nhà ở của gia đình ông Trần Duy K, do ông Trần Duy K là chủ đầu tư với tổng giá trị của hợp đồng là 1.800.000.000 đồng, chưa bao gồm 10% thuế VAT. Thời hạn thi công là 06 tháng. Phương thức thanh toán chia thành 09 đợt, tương ứng với các hạng mục mà Công ty A1 đã hoàn thành thi công với chủ đầu tư. Tính đến thời điểm hiện tại, ông K đã thanh toán cho Công ty A1 bằng việc chuyển khoản vào tài khoản của ông Nguyễn Ngọc B, số tài khoản 53210000910197 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, tổng số tiền là 1.458.000.000

đồng.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/02/2023 và các Biên bản định giá tài sản ngày 09/02/2023 và ngày 19/10/2023 thì trong quá trình thi công, xây dựng nhà ở cho ông **Trần Duy K**, **Công ty A1** đã để xảy ra một số lỗi xây dựng, được Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản kết luận cụ thể như sau:

Đối với Tầng 1 ngôi nhà: Cửa chính bị hư hỏng lỗi lồm với diện tích 1m² được định giá là 2.000.000 đồng; trần sai thiết kế cốt thép với diện tích 4,23 m² được định giá là 12.000.000 đồng; trần thạch cao phía sau không đúng với diện tích 1,35 m² được định giá là 2.025.000 đồng; Đường ống nước sai theo bản vẽ thiết kế (thực tế là một chiều nhưng theo bản vẽ là hai chiều) được định giá là 3.000.000 đồng.

Đối với Tầng 2 ngôi nhà: Tô hom không đẹp đường cầu thang với diện tích 44,74 m² được định giá là 11.185.000 đồng; tường nhà vệ sinh sai thiết kế với diện tích 12,19m² được định giá là 7.679.700 đồng. Đối với phần lỗi này, cần lắp đặt bổ sung khuôn cửa để phù hợp với tường, lắp lại cửa với giá lắp đặt bổ sung khuôn cửa là 2.000.000 đồng; cửa bị hở tầng 2 (01 cửa sổ, 01 cửa chính) với diện tích 8,42m² được định giá 8.420.000 đồng; trong bản vẽ thiết kế, nền tầng 2 và tầng 3 lát gạch nhưng hiện nay hai bên thống nhất thỏa thuận lát sàn gỗ. Tuy nhiên, hiện nay có một số lỗi đối với sàn tầng 2 và tầng 3. Cụ thể: bị bong rộp một số vị trí với tổng diện tích 62 m² được định giá là 24.800.000 đồng.

Đối với tầng 3 của ngôi nhà: Tường tầng 3 tô không đẹp ở một số vị trí với tổng diện tích 20m² được định giá là 5.000.000 đồng; cửa bị hở tầng 3 (02 cửa chính, 01 cửa phụ đi ra phòng giặt, 01 cửa sổ) với tổng diện tích 11,81m² được định giá là 11.810.000 đồng; phần tường khu giặt bị công vênh, với diện tích 8,1 m² được định giá là 6.075.000 đồng; Diện tích sơn ngoài trời bị bong tróc với diện tích 5m² được định giá là 600.000 đồng.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/02/2023, ông **K** trình bày thêm, phía **Công ty A1** còn chưa hoàn thiện phần kính ở phòng khách tầng 1, với diện tích 8,97m², phía **Công ty A1** cũng nhất trí phần lỗi này, nên Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào giá thị trường, định giá phần diện tích lỗi này có giá là 33.189.000 đồng,

Như vậy, tổng giá trị các lỗi nêu trên sau khi đã bao gồm thuế VAT là 8.459.470 đồng + 96.594.700 đồng + 33.189.000 đồng = 138.243.170 đồng. Sau đó

ông **K** còn cung cấp thêm Hóa đơn bán hàng, thể hiện việc ông đã lắp đặt phụ kiện nhôm, khóa kéo, với giá 4.877.000 đồng mà phía Công AHA chưa hoàn thiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/TCDS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 401, 404, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 112, Điều 113, Điều 139, Điều 144, Điều 146, Điều 147 Luật xây dựng năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A đối với ông Trần Duy K. Buộc ông Trần Duy K phải trả cho Công ty cổ phần A, số tiền là 160.718.830 đồng. Bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ông Trần Duy K có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty cổ phần A, số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2023, bị đơn ông Trần Duy K kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2023/TCDS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 04/12/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án. Ngày 15/12/2023, bị đơn ông **Trần Duy K** làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án để giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Trần Duy K** thấy:

Hợp đồng xây dựng số 01/2021/HĐ-TCTG được ký kết giữa **Công ty Cổ phần A** (viết tắt **Công ty A1**) và ông **Trần Duy K** vào ngày 26/4/2021 là Hợp đồng dân sự, do người có thẩm quyền của Công ty và người có năng lực hành vi dân sự của các bên tham gia ký kết. Khi ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung, hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 398, 400, 401 Bộ luật dân sự và các Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145, 146 Luật Xây dựng, nên có hiệu lực thi hành, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng **Công ty A1** cho rằng **Công ty A1** đã thi công 100% các hạng mục, ông **K** cũng đã đưa công trình vào sử dụng, nhưng ông **K** vẫn chưa thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán theo cam kết với **Công ty A1** tại hợp đồng đã ký kết. Cụ thể, ông **K** đã thanh toán cho **Công ty A1** tổng số tiền là 1.458.000.000 đồng (thanh toán trong 08 đợt), số tiền còn lại ông **K** chưa thanh toán cho **Công ty A1** theo giá trị hợp đồng đã ký kết là 342.000.000 đồng (đợt 9). Sau khi **Công ty A1** trừ các khoản chi phí phạt do **Công ty A1** chậm thực hiện tiến độ và các chi phí phát sinh khác theo Hợp đồng hai bên ký kết (cụ thể: giảm tiền thiết kế 49.300.000 đồng; giá trị phát sinh ngoài hợp đồng, thiết bị vệ sinh 10.962.000 đồng; giá trị phạt chậm hợp đồng (3%) là 54.000.000 đồng), số tiền còn lại hiện tại ông **K** chưa thanh toán cho **Công ty A1** là 298.962.000 đồng. Do đó, **Công ty A1** yêu cầu ông **K** có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty A1** số tiền còn lại là 298.962.000 đồng. Còn bị đơn ông **K** cho rằng **Công ty A1** vi phạm hợp đồng về chậm tiến độ thi công công trình, tự ý thay đổi thiết kế khi chưa được sự chấp thuận của ông **K**, thi công chất lượng công trình không đảm bảo, nên ông chính thức đơn phương chấm dứt hợp đồng vào ngày 09/01/2022 (quá 66 ngày kể từ ngày 04/11/2021 đến ngày bàn giao công trình) theo quy định tại các Điều 10, 11 của Hợp đồng mà hai bên ký kết. Vì vậy, ông không có nghĩa vụ thanh toán giá trị

còn lại của Hợp đồng, kể từ ngày ông đơn phương chấm dứt Hợp đồng, nên ông **K** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của **Công ty A1**, yêu cầu ông thanh toán số tiền 298.962.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **K** là người giám sát công trình, nhưng khi ông **K** phát hiện **Công ty A1** thi công không đúng chất lượng, không đúng thiết kế, vi phạm thời gian thi công, nhưng ông chỉ góp ý, không lập biên bản vi phạm mà vẫn đồng ý để **Công ty A1** thi công xong công trình và nhận bàn giao công trình vào sinh sống. Lẽ ra, các bên phải gặp gỡ nhau để bàn bạc, thảo luận cách thức giải quyết theo quy định trong hợp đồng, nhưng các bên đã không thực hiện, mà chỉ thông báo cho nhau qua điện thoại, tin nhắn mà không làm văn bản thông báo cho nhau về những vi phạm giữa hai bên, là các bên đã thực hiện không đúng theo các cam kết trong Hợp đồng mà các bên đã ký kết, nên việc ông **K** cho rằng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 10 của Hợp đồng là không có căn cứ. Qua xem xét hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định **Công ty A1** đã vi phạm Hợp đồng mà các bên ký kết (**Công ty A1** đã thừa nhận). Theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận phạt vi phạm chậm thi công và thi công không đảm bảo chất lượng, còn không thỏa thuận phạt thi công không đúng thiết kế, nhưng **Công ty A1** tự nguyện thỏa thuận chịu phạt thi công không đúng thiết kế là 49.300.000 đồng. Nguyên đơn đưa ra căn cứ cho rằng do COVID-19, nên chậm thi công, còn bị đơn đưa ra căn cứ do chậm thi công để đơn phương chấm dứt Hợp đồng, nhưng dịch COVID - 19 là thuộc trường hợp bất khả kháng, nằm ngoài ý muốn của các bên và đây cũng là lý do dẫn đến thi công chậm thời gian theo hợp đồng, mà chậm thời gian thi công thì bị phạt chậm thi công lên đến 5% = 90.000.000 đồng (theo Điều 11 của Hợp đồng), **Công ty A1** chỉ chấp nhận phạt 3% là chưa đúng phạt vi phạm theo quy định trong Hợp đồng là đến 5%, nên cần buộc **Công ty A1** phải chịu phạt thêm 2% = 36.000.000 đồng; còn về phạt không đảm bảo chất lượng được các bên thống nhất tại các hạng mục theo Hội đồng định giá kết luận là 138.243.170 đồng (bao gồm cả thuế VAT). Như vậy, tổng cộng số tiền phạt vi phạm hợp đồng theo Điều 11 của Hợp đồng là 174.243.170 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm **Công ty A1** yêu cầu ông **K** phải thanh toán số tiền 160.718.830 đồng, còn thiếu 2% tiền phạt chậm thi công không được chấp nhận, nên cần buộc **Công ty A1** phải chịu phạt thêm số tiền 2% giá trị Hợp đồng = 36.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc ông **K** phải thanh toán cho **Công ty A1** số tiền còn lại là 124.718.830 đồng (160.718.830 đồng – 36.000.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng các bên đã ký kết và quy định tại các Điều 418, 419 Bộ luật dân sự.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A1 là có căn cứ, nhưng chưa xác định đúng yêu cầu số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn, dẫn đến việc tính án phí sơ thẩm chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 18/2023/TCDS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí phần nguyên đơn yêu cầu không được Tòa chấp nhận là chưa chính xác. Tuy nhiên, như phân tích ở phần [2], nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận một phần, nên phải chịu phần án phí sơ thẩm không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm phần nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Tiền chi phí tố tụng nguyên đơn Công ty A1 đã nộp và chi phí hết, số tiền 7.000.000 đồng, nên cần buộc bị đơn ông K phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng chi phí tố tụng để trả lại cho nguyên đơn Công ty AHA theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 398, 400, 401, 418, 419, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145, 146 Luật Xây dựng; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông **Trần Duy K.** Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/TCDS-ST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần A** đối với ông **Trần Duy K.** Buộc ông **Trần Duy K.** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần A**, số tiền là 124.718.830 đồng chưa thanh toán cho **Công ty cổ phần A** theo Hợp đồng kinh tế số 01/2021/HĐ-TCTG ngày 26/4/2021 được ký kết giữa **Công ty cổ phần A** và ông **Trần Duy K.**

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn **Công ty cổ phần A** phải chịu 1.800.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 7.897.580 đồng mà **Công ty Cổ phần A** đã nộp tạm ứng án phí. Trả lại cho **Công ty Cổ phần A**, số tiền 6.097.580 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003513, ngày 28/11/2022.

Bị đơn ông **Trần Duy K.** phải chịu 6.235.941 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông **Trần Duy K.** không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông **Trần Duy K.**, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003255 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Trần Duy K.** phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng chi phí tố tụng để trả lại cho nguyên đơn **Công ty Cổ phần A.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Dương Viết Hải